

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4702/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ tái cấu trúc giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm
2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3481 ngày 08 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục và nội dung chi tiết của quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo/TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung công bố quy trình nội bộ có thứ tự B.1 tại Danh mục quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc

phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ TÁI CẤU TRÚC
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
Lĩnh vực Giao thông vận tải	
1.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
2.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép
3.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 1****Cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định	01	Bản chính
02	Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định	01	Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính
03	Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số chứng minh thư nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số giấy phép, hạng giấy phép (đối với lái xe); số giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, hạng (đối với thuyền viên)) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số chứng minh thư nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu) kèm bản sao giấy chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn theo quy định	01	Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính
04	Một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuộc bảo vệ thực vật	01	Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính
05	Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biên kiểm soát xe; họ và tên người điều khiển phương tiện; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển)	01	Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính
06	Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn của người điều khiển phương tiện cơ	01	Bản sao hoặc bản sao điện tử

	giới đường bộ đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao hoặc bản sao điện tử chứng chỉ chuyên môn đặc biệt của thuyền viên đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa		tử

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh; ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926; Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I.
B1	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,5 ngày làm việc	Theo Mục I, BM 01, BM 02, BM 03	<p>* Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo

				<p>quy định: hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối nhận giải quyết hồ sơ: nêu rõ lý do từ chối hồ sơ, lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>Thông tin cho tổ chức về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo các biểu mẫu BM 01, BM 02, BM 03 theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>* Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính</p>
--	--	--	--	--

					<p>xác thực (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm đầy đủ theo quy định thực hiện việc tiếp nhận, cấp mã hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tài khoản nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính TPHCM và kèm theo thông tin hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p><i>(Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ theo quy định)</i></p>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn 	<p>Chuyên viên Chi cục TTBVTV thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp hồ sơ nộp đảm bảo theo quy định: tham mưu Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. 2. Trường hợp hồ

					sơ không đảm bảo theo quy định: tham mưu dự thảo Công văn trả lời.
B3	Xem xét việc Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc	- Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy phép chuyên hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Phòng xem xét việc thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định: xem xét dự thảo Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. 2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: xem xét dự thảo Công văn trả lời.
B4	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời.
B5	Ký duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét hồ sơ, ký Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời không cấp giấy.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và	0,5 ngày làm việc	- Theo Mục I - Giấy phép	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản (bản giấy

		Phát triển nông thôn		vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	và bản điện tử) và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B7	Trả kết quả	Chuyên viên Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Theo giấy hẹn	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	Trả kết quả, lưu trữ hồ sơ TTHC

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)
5.	BM 05	Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)
5.	BM 05	Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)
6.	//	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn
7.	//	Các hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 421/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông

vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất thuốc bảo vệ thực vật tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...)**Tên tổ chức, cá nhân:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Số:/.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (....)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại Fax Email:

2. Giấy đăng ký doanh nghiệp số....ngày....tháng....năm, tại hoặc
Số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp
..... nơi cấp (áp dụng trường hợp là cá nhân)3. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: do...(tên cơ quan cấp)...(áp
dụng đối với đơn vị kinh doanh vận tải).4. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép
chở (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyến).5. Thông tin về người điều khiển phương tiện gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, hạng
giấy phép điều khiển phương tiện (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyến); đã
được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy
hiểm; số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp
..... nơi cấp6. Thông tin về người áp tải (nếu có) gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMTND
hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu.Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất
nguy hiểm sau:

TT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (dự kiến)
1					
2					
...					

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.

.....

.....(tên tổ chức, cá nhân) cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó (cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ/đường thủy nội địa).

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

Mẫu Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

Tên tổ chức, cá nhân:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM (....)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm:

Địa chỉ:.....

Điện thoại Fax Email:

2. Thông tin về phương tiện (hoặc danh sách kèm theo) gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở

3. Họ và tên người điều khiển phương tiện (hoặc danh sách kèm theo):

4. Loại hàng hóa nguy hiểm, khối lượng vận chuyển (liệt kê chi tiết từng loại, nhóm hàng hoá nguy hiểm)

5. Tuyến đường bộ/thủy nội địa vận chuyển

6. Thời gian vận chuyển:

7. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở

8. Biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố cháy, nổ

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 2

Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định	01	Bản chính
02	Hồ sơ chứng minh sự thay đổi về thông tin liên quan đến giấy phép	01	

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh; ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926; Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Theo Mục I, BM 01, BM 02, BM 03	* Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi

		cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật			<p>tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01.- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.- Trường hợp từ chối nhận giải quyết hồ sơ: nêu rõ lý do từ chối hồ sơ, lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>* Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>Thông tin cho tổ chức về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo các biểu mẫu BM 01, BM 02, BM 03 theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>* Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; kiểm tra thông tin
--	--	---	--	--	---

					<p>chữ ký số để đảm bảo tính xác thực (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm đầy đủ theo quy định thực hiện việc tiếp nhận, cấp mã hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tài khoản nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính TP HCM và kèm theo thông tin hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p><i>(Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ theo quy định)</i></p>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn 	<p>Chuyên viên Chi cục TTBVTV thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp hồ sơ nộp đảm bảo theo quy định: tham mưu dự thảo Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. 2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: tham mưu dự thảo Công văn trả lời.
B3	Xem xét việc Thẩm định hồ sơ, đề xuất	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy 	<p>Lãnh đạo Phòng xem xét việc thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp hồ sơ đảm

	giải quyết	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	bảo theo quy định: xem xét Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. 2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: xem xét Công văn trả lời.
B4	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,5 ngày làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời.
B5	Ký duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét hồ sơ, ký Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời không cấp giấy.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ làm việc	- Theo Mục I - Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản (bản giấy và bản điện tử) và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B7	Trả kết quả	Chuyên viên Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Theo giấy hẹn	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	Trả kết quả, lưu trữ hồ sơ TTHC

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)

6.	//	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn
7.	//	Các hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 421/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất thuốc bảo vệ thực vật tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

Mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...)

Tên tổ chức, cá nhân:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (....)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại Fax Email:

2. Giấy đăng ký doanh nghiệp số...ngày...tháng...năm, tại hoặc
Số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp
..... nơi cấp (áp dụng trường hợp là cá nhân)

3. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: do...(tên cơ quan cấp)...(áp
dụng đối với đơn vị kinh doanh vận tải).

4. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép
chở (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên).

5. Thông tin về người điều khiển phương tiện gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, hạng
giấy phép điều khiển phương tiện (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên); đã
được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy
hiểm; số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp
..... nơi cấp

6. Thông tin về người áp tải (nếu có) gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMTND
hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất
nguy hiểm sau:

TT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (dự kiến)
1					
2					
...					

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.

.....

.....(tên tổ chức, cá nhân) cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó (cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ/đường thủy nội địa).

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 3

Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, quận Bình Thạnh; ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926; Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I.
B1	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc	Theo Mục I, BM 01, BM 02, BM 03	* Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy

				<p>tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.- Trường hợp từ chối nhận giải quyết hồ sơ: nêu rõ lý do từ chối hồ sơ, lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>* Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>Thông tin cho tổ chức về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo các biểu mẫu BM 01, BM 02, BM 03 theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <p>* Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực (nếu có).- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm đầy đủ theo quy định thực hiện việc tiếp nhận, cấp mã hồ sơ.
--	--	--	--	---

					<p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tài khoản nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính TPHCM và kèm theo thông tin hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p><i>(Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ theo quy định)</i></p>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn 	<p>Chuyên viên Chi cục TTBVTV thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <p>1. Trường hợp hồ sơ nộp đảm bảo theo quy định: tham mưu dự thảo Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: tham mưu dự thảo Công văn trả lời.</p>
B3	Xem xét việc Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Mục I - BM 01 - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm; Công văn 	<p>Lãnh đạo Phòng xem xét việc thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <p>1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định: xem xét Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: xem Công văn trả</p>

					lời.
B4	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm; Công văn	Lãnh đạo Chi cục TTBVTV xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời.
B5	Ký duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06 giờ làm việc	- Theo Mục I - Dự thảo kết quả: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét hồ sơ, ký Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời không cấp giấy.
B6	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ làm việc	- Theo Mục I - Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản (bản giấy và bản điện tử) và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B7	Trả kết quả	Chuyên viên Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Theo giấy hẹn	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn trả lời	Trả kết quả, lưu trữ hồ sơ TTHC

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban

		hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	BM 04	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa)
5.	//	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc Công văn
6.	//	Các hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 421/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất thuốc bảo vệ thực vật tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

Mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...)

Tên tổ chức, cá nhân:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (...)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại Fax Email:

2. Giấy đăng ký doanh nghiệp số....ngày....tháng....năm, tại hoặc Số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp nơi cấp (áp dụng trường hợp là cá nhân)

3. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: do...(tên cơ quan cấp)...(áp dụng đối với đơn vị kinh doanh vận tải).

4. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên).

5. Thông tin về người điều khiển phương tiện gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, hạng giấy phép điều khiển phương tiện (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên); đã được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy hiểm; số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu ngày cấp nơi cấp

6. Thông tin về người áp tải (nếu có) gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMTND hoặc số thẻ căn cước công dân/số hộ chiếu.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:

TT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (dự kiến)
1					
2					
...					

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.

.....

.....(tên tổ chức, cá nhân) cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó (cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ/đường thủy nội địa).

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.